

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÐ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 5 - 2025

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Duy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lợi;

Bà Bùi Thị Hồng Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyết – Thư ký Tòa án.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 48/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2025/QĐST – HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh ngày 01/01/1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TL, xã TĐ, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

Bà B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 02/4/2025

*Bị đơn: Ông Huỳnh Văn B1, sinh ngày 01/01/1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TL, xã TĐ, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/02/2025 và trong quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà và ông Huỳnh Văn B1 tự nguyện cưới nhau vào năm 1996 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện BÐ vào ngày 26/5/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông B1 thường xuyên uống rượu, bạo lực gia đình và đánh bà, nên cả hai đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay, bà nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông B1.

Về con chung: Có 03 con chung tên Huỳnh Nhựt M, sinh ngày 01/01/1997, Huỳnh Thị Mỹ T, sinh ngày 13/02/2004 và Huỳnh Thị Mỹ L, sinh ngày 28/9/2005, hiện cả 03 con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

** Ông Huỳnh Văn B1 đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị B và không đến tham dự phiên tòa.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 02/4/2025, bị đơn ông Huỳnh Văn B1 đã được triệu tập đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B và ông Huỳnh Văn B1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TĐ, huyện BĐ theo quy định pháp luật vào ngày 26/5/2003, do đó, hôn nhân của bà B và ông B1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà B cho rằng vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng không còn và bà yêu cầu được ly hôn với ông B1, HĐXX xét thấy: Từ ngày Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đến nay, ông B1 đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông B1 không có động thái hay thiện chí thể hiện muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, cả hai đã không sống chung từ năm 2015 và bà B vẫn cương quyết ly hôn. Vì vậy, mâu thuẫn giữa bà B và ông B1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ly hôn là biện pháp tốt nhất để trả tự do cho cả hai. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà B là có cơ sở và phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 03 con chung tên Huỳnh Nhựt M, sinh ngày 01/01/1997, Huỳnh Thị Mỹ T, sinh ngày 13/02/2004 và Huỳnh Thị Mỹ L, sinh ngày 28/9/2005, hiện cả 03 con chung đã thành niên và có khả năng lao động, bà B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Về tài sản chung: Bà B không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[5] Về nợ chung: Bà B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị B phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị B ly hôn với ông Huỳnh Văn B1. Quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông B1 chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có 03 con chung tên Huỳnh Nhựt M, sinh ngày 01/01/1997, Huỳnh Thị Mỹ T, sinh ngày 13/02/2004 và Huỳnh Thị Mỹ L, sinh ngày 28/9/2005, hiện cả 03 con chung đã thành niên và có khả năng lao động, bà B không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

3. Về tài sản chung: Bà B không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Bà B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải nộp án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào theo biên lai thu tiền số 0008215 ngày 18/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND xã TĐ;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Quốc Duy